

ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH TẬP GIẢI

QUYỂN 69

Phẩm 24: CA-DIỆP, (Phần 7)

- Nói về ba thứ nghiệp: Thân, miệng, ý.
 - Nói về bốn thứ báo: là báo hắc, báo bạch, báo tạp, báo không hắc không bạch.
 - Nói rộng về nghiệp phiền não, lại là nghĩa sinh nhau.
 - Nói về pháp thế bậc nhất có nghĩa lậu, vô lậu.
 - Nói rộng ba mươi bảy phẩm tạo ra chín thứ danh, nói là chủ thẳng đạo... .
 - Nói rộng mười tướng, nói rộng bảy tướng.
- “Này người thiện nam! Chúng sinh quán sát thọ ấm, biết nó là nhân gần của tất cả lậu” cho đến “Vì dứt hòa hợp, nên không sinh ra thọ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Giải thích ái là nhân, lấy “Ngã” làm niềm vui, thì sẽ sinh ra yêu đắm. Mười hai nhân duyên đã gây ra thiện, ác: Lấy sinh tử làm vui. Vì không thể xa lìa, nên gọi là thời gian thọ. Do nhân duyên nào sinh ra? Kế là quán nhân của thọ. Nhân lại có nhân, từ sâu kín đến hiển rõ, nói có thể dứt. Không do trời Tự Tại sinh. Nhân cần phải đúng, đều từ duyên hợp mà sinh, nghĩa là “Duyên” hòa hợp thì chẳng phải mình, chẳng phải người, sinh không có chủ nhất định. Tức là ái, nghĩa là lạc thọ sinh ra ái, ái sinh ra lạc thọ, làm nhân quả lẫn nhau. Là trong hòa hợp, nghĩa là vì từ hòa hợp, nên chẳng phải “có”. Vì hòa hợp sinh ra nên chẳng phải “Không”. Dứt hòa hợp thì bất sinh.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sau đây, là quán sáu pháp, đó là thọ, tưởng, xúc, dục, nghiệp, khổ. Chỉ có pháp xúc chẳng có quán riêng, mà gá vào các môn. Cho nên trước quán thọ, vì tất cả “Hoặc” khởi, đều do thọ, nên quán sát lỗi của thọ trước. Theo quán thọ, quán nhân của thọ trước. Kế là quán quả báo của thọ nặng nhẹ, ba chỗ diệt của thọ. Lậu

trong ngoài trên cảnh ngoài tâm sinh, lậu hết do ba thọ khởi. Thọ như vậy vì sao lại sinh? Kế là quán nhân của thọ. Nhân duyên như thế từ đâu sinh? Vì theo thứ lớp các nhân quán, chẳng bao giờ không có nhân mà sinh.

Không từ tưởng sinh: Riêng ngoại đạo này chấp tưởng ấm của trời Vô tưởng, tưởng phi tưởng. Nếu có nhân này sinh ra thì phải dứt nhân của thọ này trước. Nhân duyên tức là thọ, nghĩa là tâm diệt từ quá khứ, cảm thọ tác nhân sinh ra. Chẳng có thọ: Trong nhân duyên không có tánh thọ, chẳng phải vô thọ: Không lìa nhân duyên mà có.”

“Đây người thiện nam! Người trí quán sát nhân rồi” cho đến “Đó gọi là Phạm hạnh thanh tịnh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nếu không quán quả khổ, thì sẽ không nhàm chán thọ. Vì dứt nhân của thọ, nên kế là quán quả. Nhân duyên của thọ được giải thoát, là ưa thích “Sinh” thì trói buộc, ưa thích diệt thì giải thoát. Dứt “Ngã”, “Ngã sở”, nghĩa là biết chẳng có chủ thể. Có một ít xứ diệt, nghĩa là ba tuệ dứt kiết, dùng văn tư để dứt kiết thô, gọi là rớt ráo nhỏ. Tu tuệ dứt kiết sâu, gọi là giải thoát rớt ráo. Nhận biết từ tám chánh, thì liền tu tập: Tám đạo vô lậu là tu tuệ.”

Thêm lớn thân, tâm: Tám đạo hướng về diệt mà thêm lớn trái với đạo, làm sao thêm lớn được?

Nhân duyên của “Xúc”, là văn tư quán nhân xa, tu tuệ quán nhân gần ở dưới là quán quả. Chẳng nói vô minh: là thiện hữu lậu và vô ký, tạp thực và ái, có công năng làm cho sinh tử không dứt.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Quán nhân đã xong, kế là quán quả: Mắc phải quả báo khổ của ba đường ác. Quả của ba đường ác này đều là báo của nhà bốn tâm, nhưng phải là không lìa thọ. Những gì là thọ? Các thọ có công năng tạo ra nhân ái. Những ái nào là? Chủ thể tạo ra nhân của thọ? Ở đây nói về nghĩa sinh lẫn nhau, ái cũng là chủ thể tạo ra nhân của thọ, thọ cũng có thể tạo ra nhân của ái.

Quán sát nhân quả nặng nhẹ đã xong. Kế là lượt thứ ba, quán chỗ thọ diệt. Nếu được năm căn mà tín, đứng đầu, hai “Không” thành tựu thì gọi là tạo ra một ít diệt, đến chánh quán vô lậu, gọi là diệt lớn. Đạo này quán thọ có ba tướng, là tướng trạng của ba thọ. Tuy nhiên ba thọ này có thể làm nhiều thêm phiền não của thân, tâm trong hành ấm. Do nhân duyên nào có thể tăng nhiều thêm? Vì từ nhân duyên ba Xúc nên sinh:

1. Xúc vô minh, là xúc phiền não.
2. Xúc minh: Có công năng sinh ra tám Chánh đạo vô lậu.

3. Xúc chẳng phải minh, vô minh: Là Tâm lành của thế tục.

Thọ như vậy, vừa gọi là nhân, vừa gọi là quả: Từ xúc sinh gọi là quả. Vì năng sinh ra thọ, nên cũng gọi là nhân. Quán thọ tạo ra ba môn đã xong. Nay, kể là lại quán sát quả báo của ái: Do ái mà sinh, cho nên phải quán. Người trí quán ái lại có hai thứ ăn lẫn lộn. Ái là bốn cách ăn, vô thực ái: Là dứt bốn cách ăn chứng được vô lậu.

Nếu muốn dứt ái, thì trước phải dứt nhân của thọ, nhân gần là thọ, nhân xa là xúc, nhân quả dứt hết, thì mới được tám Chánh đạo, tức gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Lại nữa, “Này người thiện nam! Người trí phải quán” cho đến “Vì tưởng, thọ diệt nên gọi là giải thoát.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hai việc do nhân duyên nào sinh ra? Ái thọ là gốc của sinh tử, lại là quán nhân gần. Biết do tưởng sinh: Tưởng chấp giả danh mà điên đảo có nhẹ nặng, nặng là nhân ái, nhẹ là nhân của thọ. Thấy sắc không sinh tham, nghĩa là giải thích nhân của thọ, yêu đắm sinh ra sự tham ưa, là giả nhãn thức thấy sắc, chưa được giả tưởng, lấy giả tưởng thọ được tốt, xấu. Nhẹ là nhân của thọ và khi quán thọ cũng không sinh lòng tham: Giải thích nhân của ái. Thọ từ điên đảo sinh tưởng điên đảo. Lấy thường, lạc rồi, cho đến tham ái, nặng là nhân của ái.

Tưởng có ba thứ: ít có hai thứ:

1. “Duyên” nhỏ.

2. Thời gian trụ duyên ít, cho đến vô lượng cũng như vậy. Chưa định: tâm phân tán, duyên không nhất định, cũng khi dừng lại ít. Định cõi Dục thô cũng như vậy. Vô sắc của cõi Vô sắc không bị duyên ngoài làm nghiêng động, ở lại trong định lâu làm sao nói ư?

Tưởng, thọ diệt gọi là giải thoát: Giải thích lý do tại sao Đức Phật nói tưởng, thọ là nhân hữu lậu?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Người trí phải quán hai việc thọ và ái từ đâu sinh? Biết từ tưởng sinh: Từ đây trở xuống sẽ nói về hai môn theo thứ lớp. Quán tưởng tức là pháp tướng giả, nên gọi là tưởng. Hễ điên đảo “Duyên” luống dối đều không được pháp thật. Ba thứ tưởng này: Nếu “Duyên” nhỏ của tưởng tượng thì gọi là tưởng nhỏ. “Duyên” lớn của tưởng tượng, gọi là tưởng lớn. “Duyên” vô lượng của tưởng tượng, gọi là tưởng lớn. “Duyên” vô lượng của tưởng tượng gọi là tưởng vô lượng.

Lại, có tưởng nhỏ, là người chưa nhập định, định điện quang của cõi Dục. Lại, có tưởng lớn, là người đã nhập định, địa định của tám

thiền. Lại có vô lượng tướng: Mười “Tất cả nhập”. Nếu vì ba tướng diệt thì thọ diệt. Tướng, thọ đã diệt, thì gọi là giải thoát.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Diệt tất cả pháp” cho đến “Người nghe cũng giải thích cho chúng sinh hiểu.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Giải thích về pháp: Pháp riêng, chúng sinh chung. Nhân của tướng chung, riêng, nói một thì biết hai, nhân của tướng tâm sở. Thọ tướng ở chỗ yêu cầu. Thọ, tướng có thể dứt bỏ, nên biết pháp khác cũng dứt được, nên nói là cũng vậy.”

Nên gần gũi: Chỉ nói pháp lẫn lộn, người nhận hiểu cũng lẫn lộn.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Do lời nói này, Bồ-tát Ca-diếp liền hỏi: “Nếu vì nói tướng, thọ diệt có được gọi là giải thoát hay không? “Phật đáp: “Đôi khi Như Lai nhân chúng sinh nói pháp, người nghe mà hiểu, như trước kia, Đức Phật đã nói với Đại Ca-diếp: “Lúc chúng sinh diệt, pháp lành cũng diệt theo, chỉ vì pháp do con người truyền bá sâu rộng. Nếu người không còn thực hành chánh pháp nữa, thì pháp sẽ không truyền bá. Vì lấy chúng sinh để nói về pháp. Nhân pháp nói cho chúng nghe mà cũng nhận hiểu. Nói cho chúng sinh: Như Phật nói cho Tôn giả A-nan nghe:

Nếu có pháp nào sinh ra phiền não, thì không nên gần gũi, tức là ác tri thức. Nếu pháp nào có công năng sinh ra điều lành, thì nên gần gũi, là Thiện tri thức.

Đã nói pháp đáng gần gũi. Vì pháp không đáng gần gũi, nên chúng sinh liền được nhân pháp, nhận hiểu chúng sinh nào thiện, chúng sinh nào bất thiện, tức là người tốt, đáng gần gũi, người không tốt, không đáng gần gũi.”

“Này người thiện nam! Dù Như Lai nói hai “Diệt” tướng, và thọ” cho đến “Dù có cỏ độc, cũng có thuốc hay!”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nếu không có tướng thì Thế đế giải thích pháp gọi là tướng. Điều mà người đời truyền chung gọi là lưu bố. Thế đế có hai:

1. Lý.
2. Đảo.

“Duyên” giả danh rộng là lý, chấp có “Một”, “Khác” là đảo. Đảo thì sinh ra chấp đấm.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dù nói hai “Diệt” tướng và thọ, nhưng chính là để nói chung tất cả pháp diệt. Vì tướng do xúc sinh ra, nên kế là quán xúc có hai thứ: Nhân vô minh mà thức khởi lên hai phiền não

là tướng và thọ. Do biết thức mà dứt phiền não được giải thoát. Vì xúc vốn gói gắm ở các môn, nên không quán riêng.”

Lại nữa, “Này người thiện nam! Người trí quán sát năm dục” cho đến “Dù có cỏ độc, nhưng cũng có thuốc hay.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tức là sắc, thanh, nghĩa là trước, phải quán nhân của dục. Nhân có trong, ngoài. Sắc... là bên ngoài, tướng điên đảo là bên trong. Bên sinh ra thọ: Tức là dục. Dục không có pháp riêng. Tướng điên đảo phần nhiều là dục lạc, gọi là thọ. Sau mười điều ác thì tướng khởi, gọi là tướng của mười điều ác. Do cha, mẹ ác: Giết hại là quả báo của hành nghiệp (hành báo), địa ngục là sinh báo.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Kế lượt thứ ba là quán dục. Dục tức năm trần, nói năm trần chẳng phải dục, mà có công năng sinh ra dục. Vì trong nhân nói quả, nên gọi là dục. Sở dĩ quán sát dục là vì nhân năm trần mà sinh thức đấm thức. Vì chấp đấm thức, nên sinh ra tướng. nhân tướng, nên sinh thọ. Vì thọ nên sinh ái, dục trong hành ấm. Nhưng từ năm trần đến thọ, đều là nhân của dục. Chỉ vì lỗi lầm của thức ít, nên không thực hành môn quán riêng.”

“Này người thiện nam! Người trí quán dục như vậy” cho đến “Gây ra ba nghiệp: Thân, miệng, ý.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Kế sẽ quán nghiệp: Tám khổ lấy sinh làm gốc. Phiền não và nghiệp kiết hợp hiện hành, sau đó mới thọ sinh. Kế là quán nghiệp, thọ, tướng, xúc, dục tức phiền não: Tánh “Hoặc” đều là phiền não, do đầu, cuối có nhẹ, nặng khác nhau, được gọi riêng là xúc, vì không có môn riêng, vì đều là nhân của tướng, thọ:

1. Nghiệp tác sinh.

2. Nghiệp tác thọ: Giúp nghiệp thọ sinh, gọi là sinh, chủ thể được sinh báo gọi là thọ.

“Này người thiện nam! Hai nghiệp thân, miệng”: Tạo tác là nghĩa “Nghiệp, ý, tánh tạo tác. Không tạo tác từ sinh thân, miệng có cả hai. Do nhân nên được gọi là nghiệp: Thân, miệng không phải là tánh tạo tác, nhân ý thức mà được gọi tên. Chánh nghiệp là ý thức, nghiệp kỳ hạn là thân, miệng: Tánh thiện, ác này gọi là chánh: Ứng với thiện, ác của người khác, gọi là kỳ hạn. Vì phát trước, nên gọi là ý. Cuối cùng được gọi là chánh: Đây là giải thích đúng: Phát trước là chủ, từ người khác là ứng. Tức vô minh, xúc: Nghiệp chủ thể chung cho bốn. Dục, nói là nhân khổ, chỉ nói vô minh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Người trí quán dục rồi, phải quán nghiệp: Môn thứ tư nói về thọ, tướng, xúc, dục, tức là phiền não. Phiền não này

gây ra nghiệp: Tức chi “Hành” trong mười hai nhân duyên. Không tạo ra thọ, nghiệp: Không tạo ra nghiệp báo của kiết sử nhuận sinh. Vì sao? Vì lúc đầu gây ra nghiệp, phải là chưa thay đổi quả báo, tức là chưa dùng “Hoặc” nhuận sinh. Phiền não như vậy hiện hành chung có hai thứ: Sinh nghiệp và thọ nghiệp, nghĩa là muốn nói về phiền não thì đầu cuối không lia nhau, lại được tác nhân, tác nghiệp lẫn nhau, cũng được tạo ra nghiệp thọ sinh.

Trở lại đến “thủ” sau, quán nghiệp đã xong, tức kế là, quán nhân, nhân chính là vô minh, xúc. Nhân si vô minh này, thức chấp lấy trong “Duyên”, cho đến sinh ra nghiệp trong hành ấm. Quán thân cũng xong, tức kế là quán sát quả báo mà nghiệp đã được:

Phẩm Thiện thượng thượng, được sinh làm người cõi Diêm-phù-đề, đây là giải thích sự vượt hơn đối với đạo lý thọ sinh, khác với thuyết của giáo pháp xưa. Dù rằng hai giáo khác nhau, nhưng mỗi giáo đều tự có ý. Về nghĩa của ba thiên hạ còn lại, so sánh rất dễ biết, cũng đều khác với ý chỉ thọ sinh ở trước, là bình đẳng không giải thích riêng nữa.”

“Này người thiện nam! Người trí quán nghiệp nhân như thế rồi” cho đến “Quả báo, gọi là nghiệp vô lậu.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lúc tác nghiệp là như bắn” là giải thích tên nghiệp, vì nhân bất thiện, nên phải chịu quả báo khổ!”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Dù cho có cỏ độc, cũng có thuốc hay.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nghĩa này có hai:

1. Vừa là quả, vừa là báo.

2. Chỉ là quả, chẳng phải báo: Quả là nhân của báo, danh từ này là chung. Vì là nhân của báo, danh từ này là riêng. Hữu lậu có hai, vô lậu chỉ có một.”

“Này người thiện nam! Vì không có quả báo, nghĩa là nghiệp từ quả báo đặt tên. Vì khổ, lạc, thọ là chánh báo. Tánh chất của khổ là đen, tánh lạc là trắng. Lấy vui chữa trị khổ, gọi là đối trị diệt khổ, vui, được vắng lặng.

Có chỗ thọ báo nhất định: Đen ở ba đường, trắng ở trời, người. Uất-đơn-việt, đối với vui ở đời thì nó là trên, đối với vui của đạo thì nó là dưới.”

“Này người thiện nam! Người trí quán nghiệp, quán phiền não xong” cho đến “Nhân khổ “Duyên” sinh khổ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hai sở này được, quán hai pháp

khổ, kết hợp hiện hành. Niết-bàn được gọi là quả, hai quả tức khổ. Là tất cả sự thọ sinh: vì “Sinh” là gốc khổ, nên trước nói về “Sinh”.”

Lại, quán nhân duyên phiền não, kế là quán nghiệp của bốn đạo và phiền não là nhân, đạo lý khổ là quả, tên danh từ chung nhân quả gọi là “hữu đạo”. Bốn đạo sinh nhau, chớ biết về thứ lớp đó.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Người trí quán nghiệp xong, kế là quán nghiệp phiền não mà được quả: Môn thứ năm là quán khổ, nói về nghiệp phiền não và khổ, lại sinh lẫn nhau. Nhân duyên của sáu đường, đều không có niềm vui nhỏ nhặt, nên bậc Thánh sẽ giúp chúng sinh dứt khổ mà tu đạo.”

“Này người thiện nam! Người trí quán sát các khổ của ba cõi như vậy” cho đến “Phải biết rằng, người này có khả năng dứt hết các khổ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Không gây ra nghiệp mới, làm hư hoại nghiệp cũ: Mười hai nhân duyên gồm có ba khổ, thấy ba khổ phá hoại tất cả nghiệp.”

Quán tất cả địa ngục, nghĩa là quán khổ khổ. Lại, quán khổ ở cõi trời, cõi người, là quán riêng hoại khổ. Quán sâu sắc các khổ của ba cõi, nghĩa là quán riêng về hành khổ. “Nếu người trí quán tám thứ khổ” là tổng kết.”

“Này người thiện nam! Người trí quán sâu tám khổ này xong” cho đến “Dù có cỏ độc, cũng có thuốc hay.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Cầu thân, cầu của: Thân là mạng trong, của cải là mạng ngoài. Tác nghiệp làm việc thiện, ác; Thêm lớn: Là thêm lớn việc thiện, ác. Tác nghiệp: Là nghiệp tạo tác. Tạo quả: Là tạo ra nghiệp thân, miệng, tức là “Thủ”. Ái, thủ là danh từ nhẹ, nặng. Nhẹ làm nhân nặng, “Thủ” là quả. Kinh nói: Thói quen gần gũi năm dục, gọi đó là ái: ái, thủ có thêm. Kế là nhân diệt, dùng làm tánh của nhân có thêm, bớt nói ái kia có thể dứt.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Đó đều là thế nào là tất cả pháp?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Đây là “Đức tốt đẹp thứ tám của kinh thanh tịnh là Niết-bàn. Nhân tức là hạnh. Ba pháp Niết-bàn đều là nhân. Nói tất cả pháp như vậy mà nghĩa không quyết định. Nói là vì ý chỉ chưa rõ ràng, nên quyết định nghĩa, gốc của các pháp thiện, bất thiện. Do gốc gồm thân ngôn, nên cũng đồng với tất cả thiện. Tri thức, gồm thân tất cả phạm hạnh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: Đây là “Văn thứ tám trong đoạn lớn. Kế

đây sẽ nói về phần khen ngợi kinh: Nếu học theo kinh mà, thì sẽ được ra khỏi sinh tử, thành phạm hạnh thanh tịnh.”

Giáo xưa đã nói, về lý chưa đúng. Với sinh tử, vì chưa hiểu rõ về tướng trạng của nó, nên không thành chân phạm hạnh. Nay, y cứ theo đây để khen ngợi.

Gồm có ba lượt:

1. Y cứ chung cảnh trí để khen.
2. Y cứ riêng thể trí vô lậu của ba mươi bảy phẩm, để khen.
3. Trải qua mười tướng, lấy tư chất xa phát ra nghĩa để khen.

Nay, Bồ-tát Ca-diếp đã hỏi, nên Phật đáp rằng: “Là tất cả” Đây là nói chung cảnh trí, cảnh làm phát sinh sự hiểu biết, trí sinh có lý do. Vì vậy, nên gộp chung thành phạm hạnh thanh tịnh. Dù có phán quyết này, nhưng ý chỉ đó chưa sáng tỏ, nên Bồ-tát Ca-diếp lại nêu các pháp để hỏi: “Tất cả pháp không nhất định. Nay, Như Lai nhất định dùng pháp nào để làm “Tất cả”?”. Đức Phật đáp: “Kinh Đại Niết-bàn chính là kho báu của tất cả pháp, nên biết kinh này về lý, là nói đủ sáu hạnh, có công năng sinh ra tuệ, tín cho con người, nhanh chóng ra khỏi sinh tử. Vì thế đừng chớ nên nói về pháp kia, pháp này đều do Niết-bàn sinh ra, cũng tức nhờ cảnh trí này mà được Đại Niết-bàn. Cho nên đều được tạo thành Phạm hạnh thanh tịnh, nên sau đây, thường tạo ra ba mươi việc khác, nhằm khen ngợi oai lực công dụng của kinh này.”

“Phật nói: Lành thay! Lành thay! Nay người Thiện nam!” cho đến “Cha, mẹ của Chư Phật trong hiện tại.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tất cả pháp đó là kinh pháp, khả năng cứu giúp cho những kẻ nghèo, thiếu đó là vật báu, chẳng vật báu nào không có, gọi là kho tàng. Kinh này nói quả của Phật tánh, có công năng ra khỏi sinh tử, nên gọi là báu. Nói quả, thì chẳng có pháp nào bất thường. Nói nhân thì chẳng có pháp nào không phải tánh, gọi là kho tàng. “Từ biển cả trở xuống dụ cho kho tàng, “gió mạnh trở xuống, dụ cho vật báu.”

“Nay người thiện nam! Cho nên kinh này gồm thâu tất cả pháp” cho đến “Tức là ba mươi bảy pháp trợ đạo.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ở trước nói về chánh nhân, lại nói về duyên nhân gần.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ở trên đã y cứ chung cảnh trí. Nay, chính là dùng thể của chân vô lậu, để nói về kiến giải của chân vô tướng, vì không có chung với “Hoặc”. Nên được gọi là phạm hạnh thanh tịnh. Trong năm phương tiện, dù là sự hiểu biết tương tự, nhưng phải là thể

chưa khởi “Hoặc”. Do điên đảo này, nên không phải phạm hạnh thanh tịnh.”

“Này người thiện nam! Nếu lìa ba mươi bảy phẩm như vậy” cho đến “Cho nên không được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Không nói hữu lậu là phạm hạnh, nghĩa là hai thứ đạo phẩm là nói vô lậu nối nhau, cho đến Niết-bàn gọi là hạnh.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Cho nên được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nêu năm thức không có phiền não, không phải điên đảo để quyết định. Chẳng phải nam, mà nghĩ là nam: Năm thức tiếp nhận nam, nữ chưa rõ, chưa thành phiền não, chẳng phải làm cho không nhận lấy, tương chấp “Thủ” là điên đảo, năng sinh ra tham, sân.”

“Này người thiện nam! Nếu Bồ-tát đối với ba mươi bảy phẩm trợ đạo” cho đến “Rốt ráo gọi là Đại Bát-niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Bảy câu đầu trong chín câu này là nhân, hai câu sau là quả. Nếu nhận biết công dụng khác nhau của nhân quả, thì sẽ biết được phạm hạnh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Chuyển danh hiệu ba mươi bảy thành chín vị để nói. Vì sao? Vì phạm phu không hiểu biết, nghĩa là nói vị định không được đặt ra thuyết nhiều, ít. Nay, nói về pháp tướng không nhất định, nên chuyển thành chín vị, chỉ chia ra định tuệ, căn dặn về giới, công năng giúp đỡ sinh ra định, tuệ, chứ chẳng phải thể của chánh đạo. Cho nên, không nhận lấy chia ra chín, gọi là bốn ý:

1. Có bốn vị, y theo phẩm thượng, trung, hạ, để đặt tên.
2. Có ba vị, y theo công dụng đặt tên.
3. Một vị y cứ phần thích hợp đã trừ làm nhân.
4. Một vị sau cùng tiêu biểu cho quả mà được tên gọi.

Bốn vị đầu, y cứ tăng tiến dần, mà được tên. Đầu tiên niệm vô lậu thứ nhất, có thể làm vốn liếng cho sự hiểu biết về sau, nên gọi phẩm vô lậu đầu tiên là căn bản. Niệm vô lậu thứ hai làm nhân: Vì khả năng sinh ra công sức sau chuyển biến mạnh mẽ, nên gọi là nhân. Niệm vô lậu thứ ba gọi là thọ: Như sau tâm của ba thọ, tức sinh phiền não. Nay nghĩa trong đây cũng đồng. Đã giải tuệ hơi sâu, vì chuyển biến công năng gồm thân sinh ra vô lậu ở sau, nên gọi là thọ. Niệm thứ tư gọi là tăng: Mỗi niệm vô lậu này thêm sáng suốt, cho nên được thêm tên gọi. Sau đó, từ sơ trụ trở lên, theo thứ lớp sinh nhau. Cuối cùng đến trong

mỗi địa của tâm Kim Cương, đều có bốn pháp này, nên biết được bốn niệm này y cứ vào sự tăng tiến, mà được gọi tên.

Kế là có ba pháp y cứ vào công dụng mà được tên gọi, nói trong mỗi phẩm đều có ba pháp này. Vì sao mà biết? Đứng đầu gọi là niệm, giữ lấy cảnh. Dẫn dắt, gọi là định: Do niệm mà giữ cảnh, tinh lự trong duyên mà được định, vượt hơn gọi là tuệ: Dù định có công năng giữ lấy cảnh, khiến tâm không phân tán. Nếu không có tuệ vượt hơn, hoặc không được quả trách, thì vì sức “Năng trừ” này vượt hơn, nên gọi là “Thắng”. Nếu vậy thì từ sơ trụ trở lên, Kim cương trở xuống, đương địa trong mỗi niệm đều có ba nghĩa này, nhưng không có tâm riêng.

Thật trí, đây là pháp thứ tám, lẽ ra cũng là tác dụng chung, nhưng là pháp nhỏ, khác. Vì sao? Vì nói thật, gọi là giải thoát, từ kiến giải của Sơ Trụ trở lên, trong đương địa nói là không. Hoặc chẳng giải thích về năng trị. Nay, sẽ nói về chỗ dứt trừ. Y cứ vào công đức vô vi mà người tu hành đã có được. Y cứ vào bên không có ràng buộc để tạo ra ngôn ngữ.

Thứ chín là biết rốt ráo: Nói theo lãnh vực cùng cực. Y cứ vào thể của quả Niết-bàn làm ý chỉ.”

Này người thiện nam! “Ưa muốn điều lành, chính là căn bản của việc phát đạo tâm ban đầu” cho đến “Ta nói rốt ráo tức Đại Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sơ phát đạo tâm: Là Muốn cứu giúp chúng sinh, để phát tâm Bồ-đề. Muốn có ba thứ thiện để làm gốc cho đạo.

Có chỗ nói là Tuệ, Tín: Dục là căn bản của phát tâm. Xúc là bắt đầu của nhập hạnh, gọi là nhân duyên. Căn có nhạy bén đối với nhân duyên của tín ban đầu. Cho nên gọi là các phiền não ác đều do đức tin cầu pháp, cuối cùng dứt phiền não, đều là năng lực của niềm tin, tiến đến thành tựu quả Phật, là Tín giải thoát.

Thời gian thọ, tạo ra việc thiện, ác: Cảm thọ khổ vui, bạn lành giảng đạo. Ưa tu thì tiến đến nhiếp lấy phẩm đạo, còn ai không ưa thì lui sụt, nên nói thời gian thọ.

Sinh các phiền não: Giải thích về phiền não: Tìm niềm ưa thích thì sinh, ưa thì chủ thể dứt. Nhân tư duy tốt đẹp: Dù ưa tu đạo, nhưng phải nhận thức sự đối trị của đạo, nên khéo tư duy. Nhận thấy cần tu thì tu, phẩm đạo sẽ ngày càng tăng cao.

Cần phải chuyên niệm: Nên tu, siêng năng tu. Niệm không niệm duyên, trở thành đứng đầu các định, có thể khéo phân biệt, nên nói trí

là hơn hết. Tâm định thấy các pháp, gọi là phân biệt. Nghiên cứu tỉ mỉ gọi là trí. Đầu tiên là dẫn dắt. Càng sáng suốt là vượt hơn.

Thời gian chứng giải thoát: Chứng có, không giải thoát là Niết-bàn hữu dư ra khỏi sinh tử là thật, rốt ráo là Niết-bàn Vô dư.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ở trước, là Đức Phật đã qua một lần nêu tên. Nay, dưới đây sẽ bỏ thứ lớp, lại lập ra năm lớp để giải thích. Đây là lớp giải thích thứ nhất: “Căn bản là dục, dục nghĩa là tâm ưa muốn. Do danh để nói về xúc. Xúc, là tiếp xúc đối với lý ở trước, nên gọi là nói về xúc. Nhiếp lấy gọi là thọ: Nhiếp thọ các hạnh, nên gọi là thọ. Thêm, gọi là khéo tư duy: Tâm vượt hơn lý. Vì giữ gìn cảnh không dời đổi, nên gọi là chủ, gọi là niệm. Dẫn dắt gọi là định: nhiếp tâm vào một “Duyên”. Vượt hơn, gọi là trí tuệ, nghĩa là phá tan phiền não.

Thật, gọi là giải thoát: Tức là thể của trí không bị phiền não ràng buộc.

Rốt ráo gọi là Niết-bàn: Y cứ vào công dụng đều tròn đầy. Từ ưa muốn điều lành, là mới phát tâm: Sau đây là lớp giải thích thứ hai: “Từ một niệm vô lậu đầu tiên, cuối cùng đi đến thành Phật, được gọi là khéo ưa muốn. Do sự khéo ưa muốn này sẽ được thành Phật, nên gọi là căn bản. Như Lai trước đã nói không buông lung là gốc, nay mới nói dục: Nói dục là gốc, vì không buông lung giúp đỡ thành, nên gọi là “Duyên” nhân. Nếu lúc chúng sinh không hề biết gì, nhờ nương tựa Phật mới được hiểu biết. Cho nên gọi Phật là căn bản. Nay, chúng sinh biết vào thời gian tự mình chứng được, là phải do tâm ưa muốn.

Nói về xúc: Hoặc gọi là Tuệ, hoặc gọi là Tín, về nghĩa không có gì tồn tại. Vì từ niềm tin mà được kiến giải, nên giải trừ “Hoặc”, nói là giải thích Xúc.

Thọ, gọi là nhiếp thủ: Chủ thể gồm thân sinh ra muôn điều lành, mọi điều xấu ác tiêu tan hẳn. Như sau thọ khởi nghiệp, đạo sinh sẽ dứt trừ. Nhờ khéo tư duy được lý càng sâu sắc, vì có công năng phá tan phiền não, nên gọi là Tăng”. Nhưng quán kiến giải đối trị kiết “Hoặc”, thì phải nhờ chuyên niệm, nên gọi là niệm là chủ. Lúc được định, vì có khả năng thấy rõ muôn pháp, nên gọi là dẫn dắt. Vì trí tuệ là hơn hết trong các hiểu biết, nên được gọi là Thắng. Dù được thần thông yên vui bốn thiền, nhưng không được gọi là thật. Nếu khi nào dứt bỏ hết phiền não, chứng được giải thoát, thì mới là chân thật, nên gọi là biết thật. Nếu chỉ dứt trừ một ít khổ, thì không được gọi là rốt ráo, mà phải là được Đại Niết-bàn, không có tất cả khổ, rốt ráo vô vi, mới được gọi là rốt ráo!”

Lại nữa, “Này người thiện nam! Tâm nhớ nghĩ yêu mến điều lành” cho đến “Đạt được quả báo, gọi là thêm lớn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nhàm chán khổ, muốn dứt trừ gọi là thiện. Cho nên, gọi xúc, là diệt khổ, phương pháp cần là ở bạn lành. Kinh nói: “Đạo là một lòng lắng nghe, lãnh thọ. Thọ lãnh là khéo tư duy. Thọ là tư duy nghĩa, phẩm đạo thêm lớn. Bạch bốn lần Yết-ma, dùng giới làm người xuất gia. Bạch bốn lần được giới căn bản; hai thứ giới: là xúc, và nhân: Giới là căn bản của đạo gọi là “Nhiếp”, tức là mới phát tâm xong, chính là tương tự với không đoạn, ví như bốn phẩm gốc lành: Hạ, Trung, Thượng. Phẩm hạ, gọi là căn. Phẩm trung gọi là nhân. Phẩm Trung tương tự với phẩm Hạ.

Tăng: Cuối cùng có sinh tương tự phẩm thượng. Phẩm trung của “Diệt” gọi là tương tự. Khả năng sinh phẩm thượng thượng, gọi là sinh tương tự, vì phẩm thượng giống như phẩm thượng thượng.

Khởi phẩm hạ trung làm căn thêm lớn, tức là việc làm cuối cùng. Tăng thì có thể dùng. Ví như nấu gạo thành thức ăn. Nấu thành, gọi là nhân, khi thành cơm là tác dụng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sau đây là ba thứ còn lại, xem văn, để thấy. Nhưng phàm phu chấp đắm cho rằng, chỉ chân vô lậu là được đặt ra chín danh từ, nên hiện nay, chỗ nào cũng đều lập ra chín vị này, cao thấp không nhất định. Cho đến tên gọi mười hai nhân duyên cũng được tạo ra chín vị này.

Với chín vị vừa kể, giải thích đã xong.

Vì con người chưa hiểu, nên Bồ-tát Ca-diếp lại hỏi: “Trước đã biết ba pháp như căn..., khác nhau là sao?” Đức Phật lại kể tiếp, giải thích lần nữa: “Ba pháp này chính là phẩm thượng, trung, hạ, theo thứ lớp sinh nhau. Vì công dụng của nhân, quả khác nhau, nên được gọi bằng ba danh từ này.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Cho đến được gọi là nghĩa Ưu-bà-di.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chín phẩm trên đã nói về công dụng khác nhau theo thứ lớp của phẩm đạo, chưa nói về nghĩa hạnh. Nói mười tướng là pháp thực hành.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Lượt thứ ba, là trải qua mười tướng để khen. Nếu nung vào kinh này để tu mười tướng, thì bất luận phàm, Thánh, theo thông lệ đều khen chung. Vì ý sao? Vì theo giáo xưa nói về lý không hoàn toàn, nên tu mười tướng không thành. Nay, y theo lời Phật dạy: “Phàm, Thánh tu hành, đều không trái lý”, cho nên khen

chung mười tướng, nghĩa là chán lia tướng ăn, tướng thế gian không đáng ưa, ba tướng này là quán mở đầu. Kế là, có bốn tướng: Vô thường, khổ, vô ngã, mang nhiều tội lỗi. Bốn tướng này quan hệ với bốn lý, được lý sâu xa. Sau ba tướng còn lại: Tướng lia, tướng diệt, tướng không có ái, là nhập Thánh quán.

Y theo văn, trước là quán tướng vô thường. Đầu tiên quán thô, sau quán tế. Từ câu “Xa lia thường, khinh mạn...” trở xuống, là lượt thứ hai, kế là tu tướng khổ. Từ “Không phải ngã, ngã sở...” trở xuống, là lượt thứ ba, kế là quán vô ngã tướng. Từ “Người trí quán vô ngã xong...” trở xuống, là lượt thứ tư, kế là quán chán lia tướng ăn. Từ “Đầy đủ bốn tướng như vậy...” trở xuống, là lượt thứ năm, kế là tu tướng thế gian không đáng ưa...” trở xuống, là lượt thứ sáu, kế là tu tướng chết.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Thế nào gọi là” cho đến “Đó gọi là tướng vô thường thô.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Một là trong; hai là ngoài: Hữu tình là trong, vô tình là ngoài. Kế là quán về nghe: Nghe lời Hiền thánh nói. Không có xa luân hứa: Đất phì nhiêu, quả chắc thật, trồng tía trong nhà, đều dồi dào đầy đủ.”

“Đã quán sắc thô, kế là quán tế” cho đến “Nên bao nhiêu sự nhận lãnh của thân đều là khổ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Mười thời gian, xuất thai gọi là hiện tại, chưa sinh gọi là vị lai, không bao giờ lớn dần, không niệm niệm diệt. Trong, ngoài đều có hai: Trong thì đối khát, ngoài thì lạnh nóng, là quán hoại khổ. Đồ đựng vô thường, tức là hành, là quán hành khổ.”

“Này người thiện nam! Người trí lại quán sinh tức là khổ” cho đến “Hoặc là một hay nhiều, cả hai đều không có ngã.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Có khác với hòa hợp: Nói pháp khác nhau, hòa hợp khác nhau. Hòa hợp thì không có tánh, không có “Ngã”. Không có một pháp nào có khả năng làm tác giả. Đây là phá tác giả. Vì hòa hợp nên diệt: Nhân diệt, quả diệt, hòa hợp diệt.”

“Người trí đã quán vô ngã như vậy rồi” cho đến “Đó gọi là đã thành tựu ý nghĩ nhằm lia cái ăn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dù đã được quán vô ngã..., nhưng nay hễ đói thì cần cái ăn, lạnh rét thì muốn được mặc, nên dễ sinh phiền não. Vì ăn sinh lòng tham, nên trước phải quán tướng cái ăn. Như con bò bị lột da, vật va chạm vào thì khổ. Như đồng lửa là tư duy, nguyện cho thân sau, thân sau như lửa. Ba trăm ngọn giáo: Thức vốn ưa duyên,

mà duyên đều là khổ.

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Người trí quán tưởng thức ăn” cho đến “Không lường ăn của tín thí.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Làm cho tương tự với: Quán tưởng gạo, như con sâu, bún miến như bột xương.”

“Này người thiện nam! Người trí có đủ bốn tưởng như vậy” cho đến “Đó gọi là người trí khéo tu tưởng chết.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tiếp theo tu tưởng chết: Vô thường, sinh diệt, diệt rồi, không nối tiếp, gọi là chết.”

“Người trí có đủ sáu pháp quán tưởng như trên” cho đến “Thì xứng đáng gọi là tướng Sa-môn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lại từ câu: “Nếu có đủ sáu tưởng như trên, tức nhân của bảy tướng” trở xuống, là theo thứ lớp bảy pháp tu tưởng nhiều tội lỗi (không giải thích nhiều tội lỗi), trực tiếp đặt ra bảy câu để giải thích:

1. Tưởng thường tu: Thường tu sáu tưởng nói trên.
2. Tưởng ưa tu: Ưa thích tu sáu tưởng nói trên.
3. Tưởng không giận: Lúc tu sáu tưởng, tâm không hề tức giận.
4. Tưởng không ganh ghét. Khi tu sáu tưởng này, tâm không ganh ghét.
5. Thiện nguyện: tu sáu tưởng trên thường chẳng phải thệ nguyện.
6. Tưởng không ngạo mạn: Tu sáu tưởng này, không có tâm ngạo mạn.
7. Tưởng Tam-muội: Nếu tu sáu tưởng trên, thì thường cầu Tam-muội.

Có thể quả trách ba cõi, nghĩa là giải thích tưởng xa lìa thứ tám. Dứt trừ ba cõi, là giải thích về tưởng diệt thứ chín. Không sinh ái chấp đắm: Giải thích tưởng không có ái thứ mười.

“Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp liền đối trước Phật” cho đến “Giải thoát tức là Đại Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Đây là “Lược thứ chín trong đoạn lớn, là khen ngợi Phật.”

